

Bản án số : 221 /2017/HNST.

Ngày 31/ 10/2017.

Về việc: “ Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - + Ông **Nguyễn Văn Tám** .
 - + Bà **Đoàn Thị Thoa**.
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày 31/10/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2017 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1988. (có mặt).

Địa chỉ: tổ 11, ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1978. (có mặt).

Địa chỉ: tổ 11, ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn U kết hôn với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Cái Bè vào ngày 07/7/2008, sau khi cưới chị về sống chung với gia đình anh U khoảng một năm thì hai vợ chồng cất nhà riêng trên đất cha mẹ ruột chị sinh sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh U không có trách nhiệm quan tâm đến vợ con và ghen tuông vô cớ nên dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 05 /2017 thì trở nên trầm trọng nên chị và anh U ly thân nhau đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh U có hai con chung là cháu Nguyễn Trường V, sinh ngày 26/02/2003 và cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 10/12/2012. Hiện đang sống với chị.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Nay chị Thẩm khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn U .
- Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 10/12/2012 và giao con chung là cháu Nguyễn Trường V, sinh ngày 26/02/2003 cho anh Unuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.
- Tài sản chung: vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.
- Trong quá trình giải quyết vụ án anh U vắng mặt nhưng tại phiên tòa hôm nay anh U có mặt và trình bày như sau:
Về điều kiện đi đến hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng, tuy anh không có bắt gặp chị T quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng bà con ở gần dị nghị và nói cho anh biết. về con chung như chị T trình bày là đúng. Tài sản chung, nợ chung như chị T trình bày là đúng.
Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh còn thương vợ, thương con, về con chung tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự Hội đồng xét xử có nhận định:

1-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn U kết hôn với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 07/7/2008, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh U không có trách nhiệm quan tâm đến vợ con thường và ghen tuông vô cớ nên dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 05/ 2017 thì trở nên trầm trọng nên chị và anh U ly thân nhau đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với anh U. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa chị T với anh U đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị T với anh U sống ly thân nhau đến nay đã hơn năm tháng nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên chị T xin ly hôn với anh U là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh U.

Riêng anh U không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, hơn nữa anh đã nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng anh cũng không có chứng cứ gì chứng minh và chị T cũng không thừa nhận nên lời trình bày của anh là không có căn cứ làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng nên không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Do đó yêu cầu của anh là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

2- Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 10/12/2012. Xét thấy vì từ khi chị T và anh U sống ly thân cho đến nay thì cháu C sống với chị T đã có cuộc sống ổn định,nên Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu của chị T. Riêng cháu Nguyễn Trường V, sinh ngày 26/02/2003 thì chị T đồng ý giao cho anh U nuôi dưỡng và tại phiên tòa cháu V cũng có nguyện vọng sống với anh U nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng chị T và anh U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3- Tài sản chung Chị T và anh U tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nợ chung: Không có.

Về án phí : Chị Thẩm phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng:

- Điều 51 và Điều 56, Điều 81 và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1- Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng T ly hôn với anh Nguyễn Văn U.
2- Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Trường V, sinh ngày 26/02/2003 cho anh U nuôi dưỡng và giao con chung là cháu Nguyễn Nhật C, sinh ngày 10/12/2012 cho chị T nuôi dưỡng. Anh U và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh U và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ai lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

3- Tài sản chung: Tự giải quyết; nợ chung: Không có.

4- Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 07138 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên thi hành xong phần án phí.

5- Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm..

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Trương Việt Chương

